

Bản án số: 247/2022/DS-PT

Ngày: 13/12/2022

V/v: Tranh chấp “Quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Lộc

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022/DS-ST, ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 279/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1947; nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà P: Ông **Võ Minh T1**, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 20/11/2022, có mặt).

- Bị đơn:

1/ Ông **Nguyễn Cao T2**, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2/ Bà **Kiên Thị Nga H1**, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà H1: Ông **Nguyễn Cao T2**, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 05/12/2022, có mặt).

3/ Ông **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

4. Bà **Trần Thị Út N**, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

5. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

6. Bà **Nguyễn Thị Thu H2**, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà H2: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 08/12/2022, có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ngân hàng X**

Người đại diện hợp pháp: Ông **Trần Thanh L** – Giám đốc Phòng Giao dịch Hiếu Nhơn trực thuộc Ngân hàng X- Chi nhánh huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2021, có mặt).

- *Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Văn T4**, sinh năm 1966; nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà **Trần Thị P** là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 01/10/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/02/2021 và trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị P trình bày:**

Bà Trần Thị P có phần đất thổ quả, thửa số 1359, tờ bản đồ số 007, diện tích 1.090m², tọa lạc tại ấp Đ, xã H (nay là Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long) do bà Trần Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có một lối đi, lối đi này giáp ranh với với ba thửa đất là: Thửa 182, tờ bản đồ số 21, diện tích 466,7m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Nguyễn Cao T2 và bà Kiên Thị Nga H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa 183, tờ bản đồ số 21, diện tích 598m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Nguyễn Văn T3 và bà Trần Thị Út N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa 199, tờ bản đồ số 21, diện tích 726,7m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Thu H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; các

thửa đất này cùng tọa lạc tại Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Giữa đất của bà P và đất của các bị đơn đều có trụ ranh rõ ràng.

Khi Nhà nước có chủ trương đo đạc theo Chương trình VLap để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà P không có mặt để chứng kiến chỉ ranh đất. Các trụ ranh đất giữa đất bà P và các bị đơn đã bị sửa lại; các bị đơn đã cắm trụ ranh lấn qua phần đất của bà P. Sau khi đo đạc xong, đoàn đo đạc VLap có yêu cầu bà P ký tên giáp cận với 03 hộ có thửa đất giáp cận với thửa đất của bà P là thửa đất của ông T2 và bà H1, thửa đất của ông T3 và bà Út N, thửa đất của ông D và bà H2; do bà P lớn tuổi nên khi kêu ký tên thì bà P ký nhưng nghĩ là ký tên để đồng ý cho các hộ dân bên trong và các bị đơn cùng đi chung lối đi trên. Sau này ông T2, bà H1, ông T3, bà Út N, ông D và bà H2 rào đường trên lối đi cũ của bà P, bà P không đồng ý thì các các bị đơn nói là Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bị đơn nên các bị đơn có quyền sử dụng. Lúc này, bà P mới biết là phần đất lối đi của bà P đã bị các bị đơn lấn ranh và các bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà P đã báo với chính quyền địa phương nhưng giải quyết không thành.

Nay, bà P yêu cầu ông Nguyễn Cao T2 và bà Kiên Thị Nga H1 phải trả lại cho bà P phần đất diện tích 4,4m², yêu cầu ông Nguyễn Văn T3 và bà Trần Thị Út N phải trả lại bà P phần đất diện tích 6,5m², yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Thu H2 phải trả lại cho bà P phần đất diện tích 1,4m²; các phần đất cùng thửa 201 (1359), loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, do bà P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cùng tọa lạc Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

**** Tại bản khai ý kiến ngày 05/3/2020 và trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Cao T2 trình bày:***

Khoảng năm 2011- 2012, cha của ông T2 là ông Nguyễn Văn T4 tặng cho ông T2 và vợ ông T2 là bà Kiên Thị Nga H1 một phần đất. Khi có chương trình đo đạc Vlap để cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T4 là người trực tiếp chỉ ranh do ông T4 là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 15/10/2016, ông T2 và bà H1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 182, tờ bản đồ số 21, diện tích 466,7m², loại đất trồng cây lâu năm. Giáp ranh đất của ông T2 là thửa số 1359, tờ bản đồ số 007, diện tích 1.090m², loại đất thổ quả của bà Trần Thị P. Từ khi đo đạc Vlap đến nay, ông T2 sử dụng đúng ranh đất của ông, ông không có lấn đất của bà P và cũng không dời trụ ranh. Qua yêu cầu khởi kiện của bà P về việc yêu cầu ông và bà H1 phải trả lại diện tích đất 4,4m² thì ông hoàn toàn không đồng ý.

*** Bị đơn Kiên Thị Nga H1 trình bày:** Bà H1 thống nhất với lời trình bày của ông T2, không bổ sung gì thêm.

*** Tại bản khai ý kiến ngày 05/3/2020 và trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, bị đơn Trần Thị Út N trình bày:**

Chồng bà Út N là ông Nguyễn Văn T3 là cháu ruột của ông Nguyễn Văn T4. Khoảng năm 2011-2012, ông T3 và bà Út N được ông T4 tặng cho một phần đất, đến khi có Chương trình đo đạc Vlap để cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T4 là người trực tiếp chỉ ranh do ông T4 là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 04/5/2017, bà Út N và ông T3 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 183, tờ bản đồ số 21, diện tích 598m², loại đất trồng cây lâu năm. Giáp ranh đất của bà là thửa số 1359, tờ bản đồ số 007, diện tích 1.090m², loại đất thổ quả của bà Trần Thị P. Từ khi đo đạc Vlap đến nay, bà sử dụng đúng ranh đất, không có lấn đất của bà P cũng không dời trụ ranh. Qua yêu cầu khởi kiện của bà P về việc yêu cầu bà và ông T3 phải trả lại cho bà P phần đất diện tích 6,5m² thì bà hoàn toàn không đồng ý.

*** Người đại diện hợp pháp của bị đơn Nguyễn Văn T3 trình bày:** Ông T3 thống nhất với lời trình bày của bà Út N, không bổ sung gì thêm.

*** Tại bản khai ý kiến ngày 11/3/2021 và trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị Thu H2 trình bày:**

Bà H2 và ông Nguyễn Văn D có phần đất trồng cây lâu năm, thửa 199, tờ bản đồ số 21, diện tích 726,7m² tọa lạc Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà và ông D đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất là của chú ruột của ông D là ông Nguyễn Văn T4 cho vợ chồng bà để ở vào năm 2013. Khi đo đạc theo Chương trình Vlap, bà P là người trực tiếp chỉ ranh đất giữa đất bà và đất của bà P; hai bên có cắm trụ đá để làm ranh đất, bà P cũng đã thống nhất ký tên tứ cận. Ngày 07/8/2015, bà và ông D được Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng đất thì bà sử dụng đất đúng vị trí đất, không lấn ranh đất của bà P. Qua yêu cầu khởi kiện của bà P về việc yêu cầu bà và ông D phải trả lại cho bà P phần đất diện tích 1,4m² thì bà hoàn toàn không đồng ý.

*** Bị đơn Nguyễn Văn D trình bày:** Ông D thống nhất theo lời trình bày của bà H2, không bổ sung gì thêm.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Xtrình bày:**

Ngày 26/11/2019, bà Trần Thị P có vay Ngân hàng X – Phòng Giao dịch Hiếu Nhơn số tiền 60.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 7303LAV201908470. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 25/11/2020. Mục đích vay

là kinh tế tổng hợp. Nợ lãi tính đến ngày 23/7/2020 là 397.000đ. Tổng số nợ đến ngày 23/7/2020 là 60.397.000đ. Bà P thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B082090, thửa số 1359, tờ bản đồ số 0007, diện tích 1.090m², loại đất thổ quả, tọa lạc tại Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất bà P tranh chấp ranh với các bị đơn có diện tích không đáng kể, không ảnh hưởng đến phạm vi đảm bảo tiền vay và nghĩa vụ trả nợ của bà P.

Ngày 03/12/2020, ông Nguyễn Văn D có vay vốn Ngân hàng X – Phòng giao dịch Hiếu Nhơn theo Hợp đồng tín dụng 7303LAV202008351, hiện có dư nợ là 50.000.000đ, ngày đến hạn 03/12/2021. Ngân hàng X – Phòng giao dịch Hiếu Nhơn có nhận thế chấp quyền sử dụng đất số CH03811, diện tích 726,7m². Ngân hàng xét thấy ông D tranh chấp ranh đất với bà P với diện tích không đáng kể, số tài sản của ông D vẫn còn đảm bảo đủ cho khoản vay nên Ngân hàng không yêu cầu ông D phải trả nợ vay.

*** Người làm chứng Nguyễn Văn T4 trình bày:**

Ông T2 là con ruột của ông T4; ông T3 và ông D là cháu ruột của ông T4. Nguồn gốc đất của ông là do ông bà của ông cho ông, ông đã ở trên phần đất này từ năm 1962 đến nay. Giáp với thửa đất của ông là thửa đất của bà Trần Thị P; đất của ông với đất bà P có trụ ranh rõ ràng, cắm bằng trụ đá. Trụ đá được cắm vào năm 1996, khi đó có bà P chứng kiến cắm trụ ranh. Trụ ranh ngay phần đất của ông T2, ông T3 và ông D từ đó đến nay vẫn còn nguyên, có lệch một đầu trụ ngoài và 01 đầu trụ trong, không có liên quan đến phần đất của ông T3, ông T2, ông D; các trụ ranh vẫn còn, ông hoàn toàn không có dời trụ ranh. Khoảng năm 2011, 2012, ông có tặng cho quyền sử dụng đất cho con ông là ông T2 và tặng cho cháu ông là ông T3 và ông D; đến khi đo đạc theo Chương trình Vlap thì đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trụ ranh giữa ông T2, ông T3 và ông D giáp với đất bà P vẫn còn nguyên, không có ai dời trụ; phần diện tích đất của ông tại thửa 1355 có diện tích 3.780m² cắt thành 4 thửa 182 diện tích 466.7m², thửa 183 diện tích 598.0m², thửa 199 diện tích 726.7m², phần đất còn lại thửa 220 diện tích 1994.3m² do ông đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ông, ông T2, ông T3 và ông D sử dụng đất đúng trụ ranh, không có ai dời ranh.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022/DS-ST, ngày 17 tháng 8 năm 2022, Tòa án Nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:**

1. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 166, Điều 169, Điều 170, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P do ông Võ Minh T1 đại diện theo ủy quyền về việc yêu cầu ông Nguyễn Cao T2 và bà Kiên Thị Nga H1 phải trả lại cho bà P phần đất diện tích 4,4m², yêu cầu ông Nguyễn Văn T3 và bà Trần Thị Út N phải trả lại bà P phần đất diện tích 6,5m² và yêu cầu ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Thu H2 phải trả lại cho bà P phần đất diện tích 1,4m²; các phần đất cùng thửa 201 (1359), loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, do bà P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cùng tọa lạc Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Giữ nguyên hiện trạng sử dụng, ông Nguyễn Cao T2, bà Kiên Thị Nga H1 được sử dụng tách thửa 182-2 có diện tích 4,4 m² loại đất trồng cây lâu năm, ông Nguyễn Văn T3, bà Trần Thị Út N được sử dụng tách thửa 183-2 có diện tích 6,5 m² loại đất trồng cây lâu năm, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Thu H2 được sử dụng tách thửa 199-2 có diện tích 1,4 m² loại đất trồng cây lâu năm, cùng tọa lạc Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 12/7/2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long).

Đối với số tiền bà Trần Thị P vay vốn tại Ngân hàng X, chi nhánh huyện Vũng Liêm – Phòng giao dịch Hiếu Nhơn số tiền 60.000.000đ. Do Ngân hàng X, chi nhánh huyện Vũng Liêm – Phòng giao dịch Hiếu Nhơn không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét xét giải quyết.

Đối với số tiền ông Nguyễn Văn D vay vốn tại Ngân hàng X, Chi nhánh huyện Vũng Liêm – Phòng Giao dịch Hiếu Nhơn. Ngày 01/12/2021, ông D đã tắt toán toàn bộ số tiền vay vốn và lãi cho Ngân hàng X, chi nhánh huyện Vũng Liêm – Phòng giao dịch Hiếu Nhơn xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát đo đạc, định giá, án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 22/8/2022, nguyên đơn là bà Trần Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Cao T2 và vợ là Kiên Thị Nga H1 trả lại diện tích đất lấn chiếm cho bà là 4,4m²; buộc ông Nguyễn Văn T3 và vợ là bà Trần Thị Út N trả lại phần đất lấn chiếm cho bà là 6,5m²; buộc ông Nguyễn Văn D và vợ là bà Nguyễn Thị Thu H2 trả lại diện tích lấn chiếm cho bà là 1,4m².

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Trần Thị P xác định bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị xác định lại ranh đất theo đúng Biên bản

băng ranh đất thổ quả và quả ngày 18/6/1996. Bà P thừa nhận bà có ký tên giáp cận với các chủ đất giáp cận là các bị đơn khi đo đạc theo Chương trình VLap nhưng bà không thừa nhận việc xác định ranh đất với các bị đơn. Chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của bà P là: Biên bản băng ranh đất thổ quả và quả ngày 18/6/1996; thực tế ranh đất bị lệch so với Biên bản băng ranh đất ngày 18/6/1996.

Bị đơn ông Nguyễn Cao T2 (ông T2 cũng là người đại diện hợp pháp của bị đơn Kiên Thị Nga H1), ông Nguyễn Văn D (ông D cũng là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu H2) không đồng ý với kháng cáo của bà P, thống nhất với bản án sơ thẩm và khẳng định các bị đơn đã sử dụng ranh đất đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà các bị đơn đã được cấp.

Bị đơn Nguyễn Văn T3 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản bảo lưu ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng X xác định bà P có vay và còn nợ tiền Ngân hàng; ông D có vay và đã trả xong nợ; phần đất tranh chấp đất có diện tích nhỏ, không ảnh hưởng đáng kể đến việc thế chấp nên không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Ông Nguyễn Văn T4 xác định ông có tặng cho quyền sử dụng đất cho các bị đơn và xác định các mốc ranh không bị thay đổi, các bị đơn sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm, miễn án phí dân phúc thẩm cho bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các bị đơn ông Nguyễn Văn T3 và bà Trần Thị Út N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, ông T3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T3 và bà Út N.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, xét thấy:

[2.1] Bà P xác định phần đất tranh chấp diện tích tổng cộng là $12,3\text{m}^2$, tọa lạc Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng của bà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà đã được Ủy ban Nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 09/01/1992. Bà P cho rằng ông Nguyễn Cao T2 và vợ là bà Kiên Thị Nga H1, ông Nguyễn Văn T3 và vợ là bà Nguyễn Thị Út N, ông Nguyễn Văn D và vợ là bà Nguyễn Thị Thu H2 đã lấn chiếm đất của bà; từ đó, bà yêu cầu ông T2 và bà H1 trả lại diện tích đất lấn chiếm của bà là $4,4\text{m}^2$, buộc ông T3 và bà Út N trả lại phần đất lấn chiếm của bà là $6,5\text{m}^2$, buộc ông D và bà H2 trả lại diện tích lấn chiếm cho bà là $1,4\text{m}^2$. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà là Biên bản băng ranh đất thổ quả và quả ngày 18/6/1996 của Ban hòa giải ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

[2.2] Xét thấy, sau khi có Biên bản băng ranh đất này, bà P không làm thủ tục đo đạc, kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất lại. Khi đo đạc theo Chương trình VLap, phân mốc ranh đã được xác định lại và bà P đã thống nhất ký tên giáp cận với các chủ đất giáp cận là các bị đơn; sau đó, bà P và các bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo sự thống nhất ranh của các bên đương sự; không ai tranh chấp về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Bà P đã được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số thửa mới là thửa 201, diện tích là $1.129,7\text{m}^2$. Kết quả đo đạc thể hiện phần đất tranh chấp thuộc các thửa đất 182, 183 và 199 của các bị đơn, cụ thể: Phần đất tranh chấp diện tích $4,4\text{m}^2$, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc tách thửa 182-2 do ông T2 và bà H1 đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích $6,5\text{m}^2$, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc tách thửa 183-2 do ông T3 và bà Út N đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích $1,4\text{m}^2$, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc tách thửa 199-2 do ông D và bà H2 đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, kết quả đo đạc thể hiện phần đất tranh chấp không thuộc thửa 201 (thửa cũ là 1359) của bà P. Xét thấy, thực tế phần đất mà bà P đang sử dụng tại thửa 201 (Chương trình VLap) có diện tích tăng $39,7\text{m}^2$, là tăng nhiều so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà đã được cấp lần đầu vào ngày 09/01/1992. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P là hoàn toàn có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P không chứng minh được hiện nay phần đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của bà nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà P.

[3] Từ những nội dung phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do bà P là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P về việc yêu cầu ông Nguyễn Cao T2 và bà Kiên Thị Nga H1 phải trả lại cho bà P phần đất diện tích 4,4m²; yêu cầu ông Nguyễn Văn T3 và bà Trần Thị Út N phải trả lại bà P phần đất diện tích 6,5m²; yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Thu H2 phải trả lại cho bà P phần đất diện tích 1,4m². Các phần đất cùng loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của ông Nguyễn Cao T2 và bà Kiên Thị Nga H1 đối với tách thửa 182-2, diện tích 4,4 m², loại đất trồng cây lâu năm; hiện trạng sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T3 và bà Trần Thị Út N đối với tách thửa 183-2, diện tích 6,5 m², loại đất trồng cây lâu năm và hiện trạng sử dụng đất của ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Thu H2 đối với tách thửa 199-2, diện tích 1,4 m², loại đất trồng cây lâu năm, cùng tọa lạc Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

(Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 12/7/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long đính kèm bản án).

2. Về chi phí chi phí đo đạc, định giá: Bà Trần Thị P chịu 9.074.100đ (Chín triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm đồng) chi phí đo đạc, định giá, bà Trần Thị P đã nộp đủ.

3. Về án phí: Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trần Thị P.

4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu tổ HCTP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

PHẠM THỊ HỒNG HÀ